

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG VỀ AN TOÀN

▲ KHUYẾN CÁO

Để nhấn mạnh có thể gây thương tích hoặc chết người nếu không tuân theo hướng dẫn.

CẦN THẬN:

Để cho biết có thể làm hư hỏng thiết bị nếu không tuân theo hướng dẫn này.

CHÚ Ý:

Đưa ra những thông tin hữu ích.

Tài liệu này không mô tả chi tiết những quy trình chuẩn tại cửa hàng hay những nguyên tắc về an toàn và việc thực hiện bảo dưỡng. Cần phải chú ý rằng, tài liệu này có một số cảnh báo và lưu ý hơi ngược với những phương pháp bảo dưỡng có thể làm bị THƯƠNG TÍCH CHO NGƯỜI thực hiện bảo dưỡng, làm hỏng phương tiện, hoặc không an toàn. Xin hiểu rằng những khuyến cáo này không thể đề cập được hết tất cả những nguy hiểm có thể xảy ra đối với việc thực hiện bảo dưỡng dù có phải được Honda khuyến cáo hay không vì Honda không thể kiểm tra được hết những trường hợp có thể xảy ra. Bất cứ người nào thực hiện bảo dưỡng hoặc sử dụng những dụng cụ dù có phải do Honda khuyến cáo sử dụng hay không thì phải đảm bảo rằng họ không thể bị nguy hiểm gì từ việc sử dụng dụng cụ hoặc lựa chọn phương pháp thực hiện bảo dưỡng.

HƯỚNG DẪN

Phụ lục này bao gồm thông tin dùng cho xe SUPER DREAM (KFVZ). Xem sách "Hướng dẫn bảo trì" của xe C100M1-KFVN để thực hiện các quy trình dịch vụ mà tài liệu này không đề cập đến.

TẤT CẢ NHỮNG THÔNG TIN, HÌNH ẢNH MINH HỌA, HƯỚNG DẪN VÀ CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRONG TÀI LIỆU NÀY DỰA TRÊN THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM MỚI NHẤT CÓ ĐƯỢC TẠI THỜI ĐIỂM IN TÀI LIỆU. Công ty Honda Motor CÓ QUYỀN THAY ĐỔI BẤT CỨ LÚC NÀO, KHÔNG CẦN THÔNG BÁO TRƯỚC VÀ KHÔNG CHỊU BẤT CỨ NGHĨA VỤ NÀO. KHÔNG ĐƯỢC TÁI BẢN BẤT CỨ PHẦN NÀO CỦA TÀI LIỆU NẾU KHÔNG CÓ SỰ CHO PHÉP CỦA TÁC GIẢ TÀI LIỆU. TÀI LIỆU NÀY ĐƯỢC VIẾT CHO NHỮNG NGƯỜI CÓ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ BẢO DƯỠNG XE MÁY CỦA Honda, XE XCÚTÔ HOẶC ATVS.

MỤC LỤC

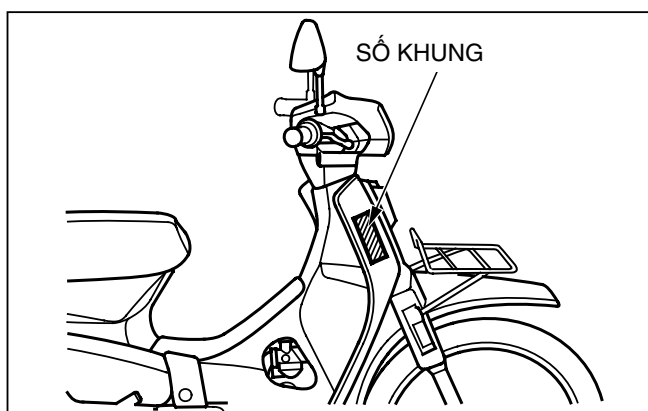
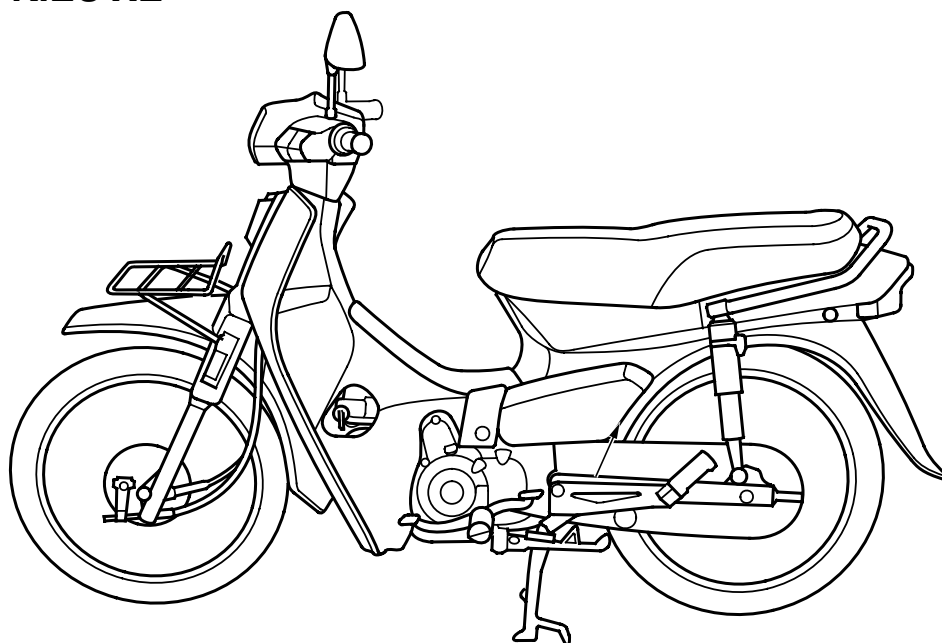
NHẬN BIẾT KIỂU XE	21-1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT	21-2
ĐÈN ĐỒNG HỒ CÔNG TẮC	21-
SƠ ĐỒ DÂY ĐIỆN	21-5

Honda Motor Co., Ltd.
VĂN PHÒNG XUẤT BẢN TÀI LIỆU

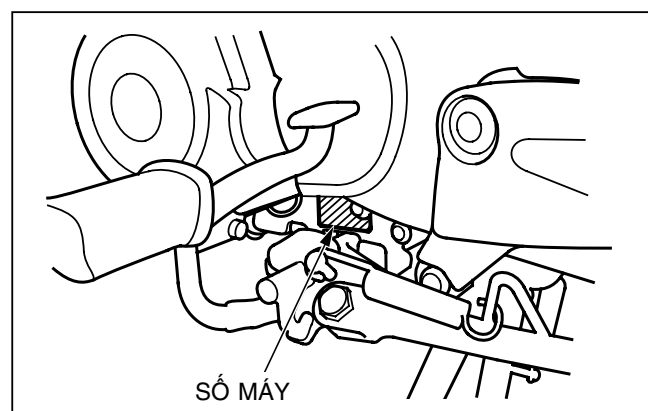




NHẬN BIẾT KIỂU XE



SỐ KHUNG
Số khung được đóng ở phía bên phải của cổ lái.



SỐ MÁY
Số máy được đóng bên trái phía dưới của lốc máy.



SỐ BỘ CHẾ HÒA KHÍ
Số bộ chế hòa khí được đóng trên thân bên phải của bộ chế hòa khí.

21. PHỤ LỤC (2)

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG

CHUNG		
	MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
CÁC KÍCH THƯỚC CHUNG	Chiều dài Chiều rộng xe Chiều cao xe Khoảng cách 2 bánh xe Chiều cao yên xe Chiều cao gác chân Khoảng cách gầm xe Trọng lượng bản thân	1.860 mm (73,2 in.) 655 mm (25,8 in.) 1.040 mm (40,9 in.) 1.175 mm (46,3 in.) 772 mm (30,4 in.) 260 mm (10,4 in.) 130 mm (5,1 in.) 95 kg (209,5 lbs)
KHUNG	Kiểu khung Giảm xóc trước Hành trình giảm xóc trước Giảm xóc sau Hành trình giảm xóc sau Giảm chấn sau Kích cỡ lốp trước Kích cỡ lốp sau Phanh trước Phanh sau Góc nghiêng trục quay lái Chiều dài vết quét Dung tích bình xăng	Loại sống lưng Giảm xóc ống lồng 80,5 mm (3,17 in.) Dạng gấp 63 mm (2,48 in.) Loại ống hoạt động một chiều 2,25 - 17 33L 2,50 - 17 38L Guốc phanh giãn trong Guốc phanh giãn trong 26°30' 75 mm (2,95 in.) 3,5 lít (0,92 US gal, 0,77 Imp gal)
ĐỘNG CƠ	Đường kính xy lanh và hành trình của pittông Dung tích làm việc Tỷ số nén Truyền động xú páp Xú páp hút Xú páp xả Hệ thống bôi trơn Kiểu bơm dầu Hệ thống làm mát Lọc gió Loại cốt máy Bố trí xy lanh	50,0 x 49,5 mm (2,0 x 2,0 in.) 97,1 cm³ (5,92 cu-in.) 9,0 : 1 Đẫn động xích tải và trục cam cùng cò mổ 2° trước điểm chết trên 25° sau điểm chết dưới 33° trước điểm chết dưới 0° tại điểm chết trên Áp suất cưỡng bức và các te ảm Bơm bánh răng Làm mát bằng không khí Bột nhựa tổng hợp tẩm dầu Loại lắp ráp Xy lanh đơn nghiêng 80° so với phương thẳng đứng
BỘ CHẾ HÒA KHÍ	Loại chế hòa khí Đường kính ống Venturi	Loại trụ ga 16 mm (0,6 in) hoặc tương đương
TRUYỀN ĐỘNG	Hệ thống ly hợp Hệ thống hoạt động ly hợp Hộp số Giảm tốc sơ cấp Giảm tốc sau cùng Tỷ số răng Số 1 Số 2 Số 3 Số 4 Kiểu sang số	Nhiều đĩa, ướt Loại ly tâm tự động 4 số, tốc độ không đổi 4,058 (69/17) 2,571 (36/14) 2,833 (34/12) 1,705 (29/17) 1,238 (26/21) 0,958 (23/24) Hệ thống trả số vận hành bằng chân trái (hệ thống số vòng; chỉ khi xe dừng) -N-1-2-3-4(-N: không số)
ĐIỆN	Hệ thống đánh lửa Hệ thống khởi động Hệ thống sạc điện Tiết chế chỉnh lưu Hệ thống chiếu sáng	Đánh lửa bằng tụ điện (CDI) Cần khởi động với mô tơ khởi động điện Phát điện xoay chiều một pha Chỉnh lưu nửa sóng/ một pha/ bằng thyristo Phát điện xoay chiều

ĐÈN ĐỒNG HỒ CÔNG TẮC

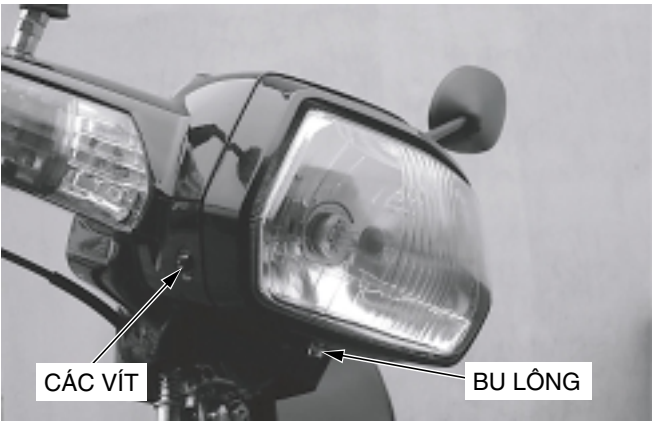
CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MỤC		THÔNG SỐ KỸ THUẬT
Bóng đèn	Đèn trước (pha, cốt)	12 V - 35/35 W
	Đèn phanh/ đèn sau	12 V - 18/5 W
	Đèn báo rẽ trước	12 V - 10 W x 2
	Đèn báo rẽ sau	12 V - 10 W x 2
	Đèn đồng hồ công tơ mét	12 V - 1,7 W x 2
	Đèn tín hiệu báo rẽ	12 V - 3,4 W x 2
	Đèn báo không số	12 V - 3,4 W
	Đèn báo vị trí số cao nhất	12 V - 1,7 W
	Đèn báo pha	12 V - 1,7 W
Cầu chì		10 A

ĐÈN PHA

THÁO ĐÈN TRƯỚC

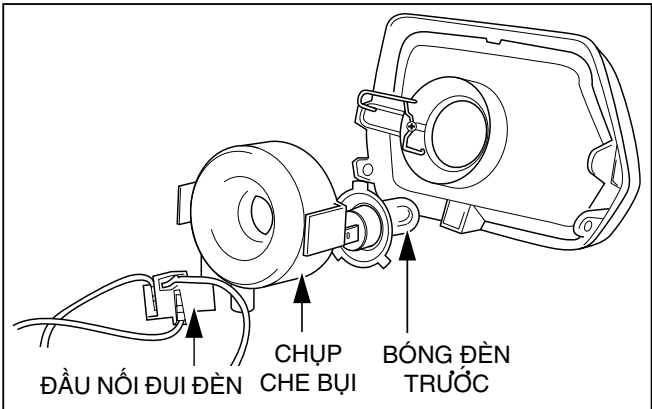
Tháo các vít, bu lông và hộp đèn trước.



THAY BÓNG ĐÈN

Tháo đầu nối đui đèn ra khỏi bóng đèn.
Tháo chụp che bụi.
Tháo bóng đèn pha bằng cách nhấn nhẹ lấy cài ra khỏi vấu giữ.

Ráp bóng đèn mới sao cho vấu của nó trùng với rãnh của bộ đèn trước.



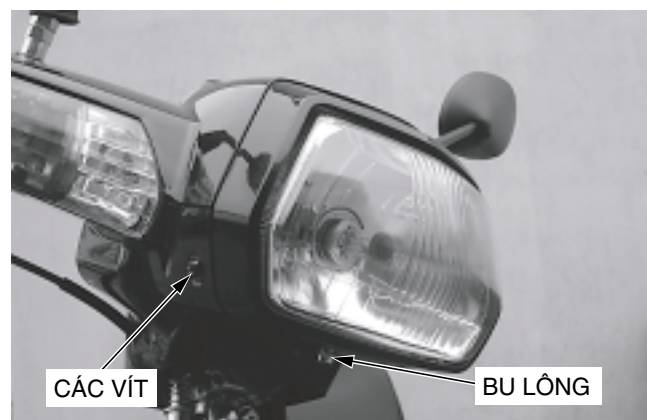
21. PHỤ LỤC (2)

RÁP

Ráp các chi tiết ngược với lúc tháo.

CHÚ Ý

Kiểm tra điều chỉnh độ rọi của đèn pha.



SƠ ĐỒ DÂY ĐIỆN

